

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: NGUYỄN VĂN SUÔL. Chữ ký:

Lớp kiểm tra: 10A5

Thời gian kiểm tra: 18/10/2014

Nhận xét đề của tổ trưởng:

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT ĐẠI SỐ LỚP 10
Lần 1: Từ ngày 13/10/2014 đến ngày 18/10/2014

❖ **Ma trận đề**

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
1- TXĐ của hàm số	Câu 1a-1b 4,0				2 câu 4,0
2- Hàm số bậc hai	Câu 2 3,0		Câu 3 3,0		2 câu 6,0
Tỉ lệ %	70%		30%		10,0

❖ **Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô**

Bài 1. (4đ) Tìm TXĐ của hàm số

Bài 2. (3đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số bậc hai

Bài 3. (3đ) Tìm tọa độ giao điểm giữa đồ thị hàm số bậc hai và hàm số bậc nhất (không chứa tham số)

Chú ý: GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: (4,0 điểm) Tìm tập xác định của các hàm số sau:

$$a) y = \frac{2014}{-x^2 + 2x + 35}$$

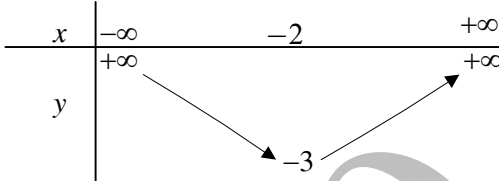

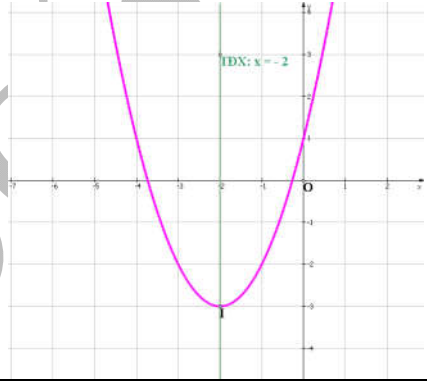
$$b) y = 2\sqrt{3+7x} - 3\sqrt{2-x}$$

Bài 2: (3,0 điểm) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số: $y = x^2 + 4x + 1$.

Bài 3: (3,0 điểm) Cho parabol (P): $y = x^2 - 2014x + 2013$ và đường thẳng (d): $y = x - 1$. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và (d).

HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Đáp án	Th.điểm
1	a/	
	Hàm số đã cho xác định $\Leftrightarrow -x^2 + 2x + 35 \neq 0$	1.0
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \neq -5 \\ x \neq 7 \end{cases}$	0.5
	Vậy tập xác định: $D = \mathbb{R} \setminus \{-5; 7\}$	0.5
	b/	
	Hàm số đã cho xác định	0.5

	$\Leftrightarrow \begin{cases} 3+7x \geq 0 \\ 2-x \geq 0 \end{cases}$	
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \geq -\frac{3}{7} \\ x \leq 2 \end{cases}$	0.5
	$\Leftrightarrow -\frac{3}{7} \leq x \leq 2$	0.5
	Vậy tập xác định: $D = \left[-\frac{3}{7}; 2\right]$	0.5
2	Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số: $y = x^2 + 4x + 1$.	
	1. Tập xác định : $D = \mathbb{R}$	0.5
	2. Đỉnh: $I(-2;-3)$	0.5
	3. Trục đối xứng: $x = -2$	0.5
	4. Bảng biến thiên:	
		0.5
5. Biến thiên: Hàm số trên nghịch biến trên khoảng $(-\infty; 1)$ và đồng biến trên khoảng $(1; +\infty)$.	0.5	
6. Đồ thị		
a) Bảng giá trị:		
b) Đồ thị:		0.5
3	Phương trình hoành độ giao điểm của (P) và d là:	
	$x^2 - 2014x + 2013 = x - 1$	0.5
	$\Leftrightarrow x^2 - 2015x + 2014 = 0$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 \\ x = 2014 \end{cases}$	0.5
	Với $x = 1 \Rightarrow y = 0$	0.5
	Với $x = 2014 \Rightarrow y = 2013$	0.5
	Vậy các giao điểm cần tìm là: $A(1;0), B(2014;2013)$	0.5

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)

Câu 1: (Biết).....

Câu 2: (Hiểu).....

Câu 3: (Vận dụng).....

Duyệt của BGH

Duyệt của tổ trưởng

TRƯỜNG QUANG THIÊN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: NGUYỄN VĂN SUÔL. Chữ ký:

Lớp kiểm tra: 10A5

Thời gian kiểm tra: 13/12/2014

Nhận xét đề của tổ trưởng:

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT ĐẠI SỐ LỚP 10

Lần 2: Từ ngày 8/12/2014 đến ngày 13/12/2014

❖ *Ma trận đề*

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi			Tổng số câu hỏi, tổng số điểm	
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp		Cao
1- Phương trình chứa căn	Câu 1a-1b 5,0			2 5,0	
2- Hàm số bậc hai	Câu 2 3,0		Câu 3 2,0	2 5,0	
Tỉ lệ %	80%		20%	10,0	

❖ *Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô*

Bài 1. (5đ) Giải các phương trình căn thức (2 câu)

Bài 2. (3đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số bậc hai

Bài 3. (2đ) Xác định tham số để nghiệm của phương trình bậc hai thỏa mãn điều kiện cho trước (delta bậc nhất).

Chú ý: GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: (5,0 điểm) Giải các phương trình sau:

$$a) \sqrt{-x^2 + 3x + 9} = \sqrt{2x + 3}$$

$$b) \sqrt{3x^2 - 9x + 1} = 2 - x$$

Bài 2: (3,0 điểm) Cho hàm số: $y = x^2 + 4x + 3$. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số trên.

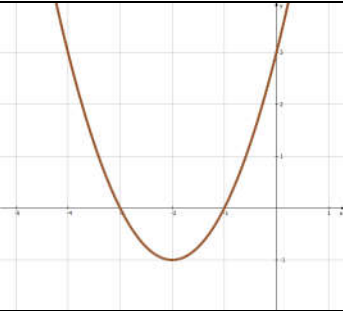
Bài 3: (2,0 điểm) Tìm tham số m để phương trình $x^2 - 2(m+1)x + m^2 + m = 0$ có hai nghiệm phân biệt x_1, x_2 thỏa mãn: $x_1 x_2 - 2x_1 - 2x_2 = 0$.

--- Hết ---

HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Đáp án	Th.điểm
1	a) $\sqrt{-x^2 + 3x + 9} = \sqrt{2x + 3}$	2.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2x + 3 \geq 0 \\ -x^2 + 3x + 9 = 2x + 3 \end{cases}$	1.0

	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \geq -\frac{3}{2} \\ -x^2 + x + 6 = 0 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \geq -\frac{3}{2} \\ x = -2 \\ x = 3 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow x = 3$. Vậy phương trình có nghiệm : $x = 3$.	0.5											
	b) $\sqrt{3x^2 - 9x + 1} = 2 - x$	2.5											
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2 - x \geq 0 \\ 3x^2 - 9x + 1 = (2 - x)^2 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \leq 2 \\ 3x^2 - 9x + 1 = 4 - 4x + x^2 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \leq 2 \\ 2x^2 - 5x - 3 = 0 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow \begin{cases} x \leq 2 \\ x = -\frac{1}{2} \\ x = 3 \end{cases}$	0.5											
	$\Leftrightarrow x = -\frac{1}{2}$. Vậy phương trình có nghiệm : $x = -\frac{1}{2}$.	0.5											
2	a/ $y = x^2 + 4x + 3$	3.0											
	1. Tập xác định : $D = \mathbb{R}$	0.5											
	2. Đỉnh: $I(-2; -1)$	0.5											
	3. Trục đối xứng: $x = -2$	0.5											
	4. Bảng biến thiên:	0.5											
	5. Hàm số trên nghịch biến trên khoảng $(-\infty; -2)$ và đồng biến trên khoảng $(-2; +\infty)$.	0.5											
6. Đồ thị	0.5												
a) Bảng giá trị:	<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tbody> <tr> <td style="padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">-4</td> <td style="padding: 5px;">-3</td> <td style="padding: 5px;">-2</td> <td style="padding: 5px;">-1</td> <td style="padding: 5px;">0</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">y</td> <td style="padding: 5px;">3</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">-1</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">3</td> </tr> </tbody> </table>	x	-4	-3	-2	-1	0	y	3	0	-1	0	3
x	-4	-3	-2	-1	0								
y	3	0	-1	0	3								
b) Đồ thị:													

		
3	Tìm tham số m để phương trình $x^2 - 2(m+1)x + m^2 + m = 0$ có hai nghiệm phân biệt x_1, x_2 thỏa mãn: $x_1x_2 - 2x_1 - 2x_2 = 0$.	2.0
	Pt đã cho có 2 nghiệm phân biệt $x_1, x_2 \Leftrightarrow \begin{cases} a \neq 0 \\ \Delta' > 0 \end{cases}$	0.25
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 1 \neq 0 \\ m+1 > 0 \end{cases} \Leftrightarrow m > -1$ (*)	0.5
	Theo định lý Viet ta có : $\begin{cases} x_1 + x_2 = 2m + 2 \\ x_1x_2 = m^2 + m \end{cases}$	0.25
	Theo đề bài ta có : $x_1x_2 - 2x_1 - 2x_2 = 0$	
	$\Leftrightarrow x_1x_2 - 2(x_1 + x_2) = 0 \Leftrightarrow m^2 - 3m - 4 = 0$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} m = -1 \\ m = 4 \end{cases}$	0.25
So với điều kiện (*) ta có : $m = 4$ là giá trị m cần tìm.	0.25	

Đề đề nghị của tổ trưởng: (nếu có)

Câu 1: (Biết).....

Câu 2: (Hiểu).....

Câu 3: (Vận dụng).....

Duyệt của BGH

Duyệt của tổ trưởng

TRƯƠNG QUANG THIÊN

TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN: TOÁN. KHỐI 10

Họ và tên giáo viên ra đề: NGUYỄN VĂN SUÔL. Chữ ký:

Lớp kiểm tra: 10A5

Thời gian kiểm tra: 20/12/2014

Nhận xét đề của tổ trưởng:

.....

.....

Phần 1: MA TRẬN ĐỀ:

KIỂM TRA 45 PHÚT HÌNH HỌC LỚP 10
Lần 3: Từ ngày 15/12/2014 đến ngày 20/12/2014

❖ **Ma trận đề**

Các chủ đề cần đánh giá	Mức độ nhận thức – Hình thức câu hỏi				Tổng số câu hỏi, tổng số điểm
	Biết	Hiểu	Vận dụng		
			Thấp	Cao	
Trong mặt phẳng Oxy .Tìm tọa độ của điểm thỏa mãn điều kiện cho trước	Câu 1a-b 6,0				2 6,0
			Câu 2 4,0		1 4,0
Tỉ lệ %	60%		40%		10,0

❖ **Bảng mô tả nội dung trong mỗi ô**

Bài 1. (6đ) Trong mặt phẳng Oxy cho trước các điểm A, B, C

Tìm tọa độ điểm, tọa độ vec tơ thỏa mãn điều kiện cho trước.(2 câu)

Bài 2. (4đ) Trong mặt phẳng Oxy .Tìm tọa độ của điểm thỏa mãn điều kiện cho trước

(ứng dụng tích vô hướng 2 vec tơ)

Chú ý: GV ra đề bám sát theo ma trận đề về mức độ nhận thức – hình thức câu hỏi

Phần 2: ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1: (6,0 điểm) Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho ba điểm A(1;-2), B(2;-3), C(-4;1).

a/ Tìm tọa độ điểm D để ABCD là hình bình hành.

b/ Tìm tọa độ của vectơ \vec{x} biết $\vec{x} \cdot \vec{AB} = 2$ và $\vec{x} \cdot \vec{AC} = -3$.

Bài 2: (4,0 điểm) Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho hai điểm A(2;1), B(-1;2). Tìm tọa độ điểm

E(a;a-1) biết tam giác ABE cân tại B.